TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2017
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tới.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Tấn Khoa.

Bà Nguyễn Thị Ly.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 215/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2017/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1966. (Có mặt)

Cư trú: Ấp A, Ấp T, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Võ Phước H, sinh năm 1960. (Vắng mặt)

Cư trú: Ấp B, Xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà và ông H sống chung với nhau tháng 12 năm 1986, hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu và có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, sống hạnh phúc đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cự cải, ông H không quan tâm đến vợ con. Hiện tình cảm không còn, xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Phước T, sinh năm 1989; Võ Thị Kim L, sinh năm 1995. Hiện 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Ông Võ Phước H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Trần Thị T khởi kiện ông Võ Phước H, ông H cư trú Ấp B, Xã K, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Võ Phước H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Bà Hân và ông Tự sống chung với nhau vào tháng 12 năm 1986 không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Điều 1 thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP hướng dẫn thi hành nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H vẫn được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do ông, bà bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Ông H không quan tâm đến vợ con, tính tình không hợp, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà T và ông H ly thân từ năm 1996 đến nay không còn liên lạc. Tại phiên tòa, bà T xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Phước T, sinh năm 1989; Võ Thị Kim L, sinh năm 1995. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung:* Không có

[5]. *Về nợ chung:* Không có.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T và ông H thì ông, bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Trần Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình ;

Điều 28, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Thị T.

Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Võ Phước H.

[2]. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0013866 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Tới